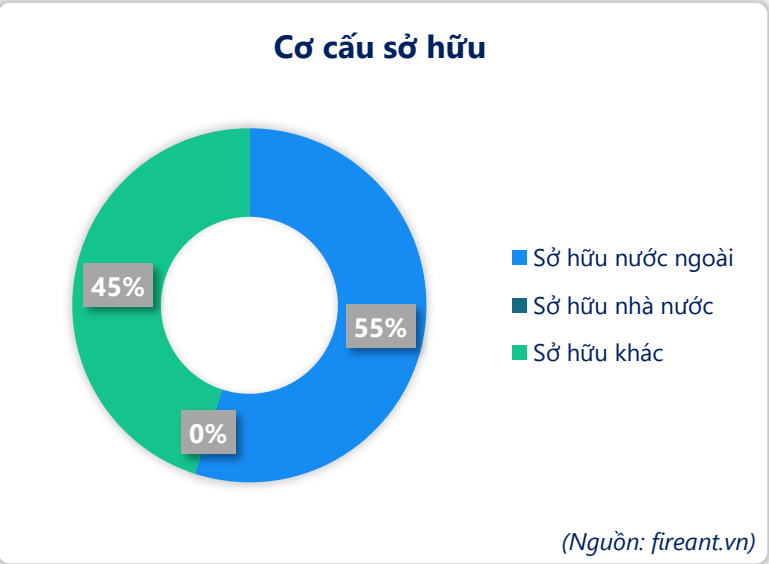
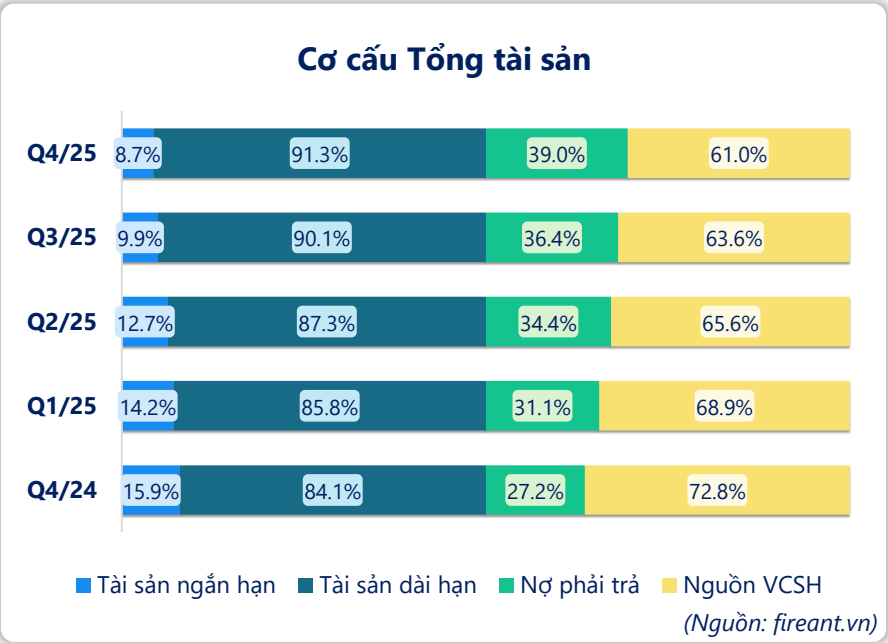
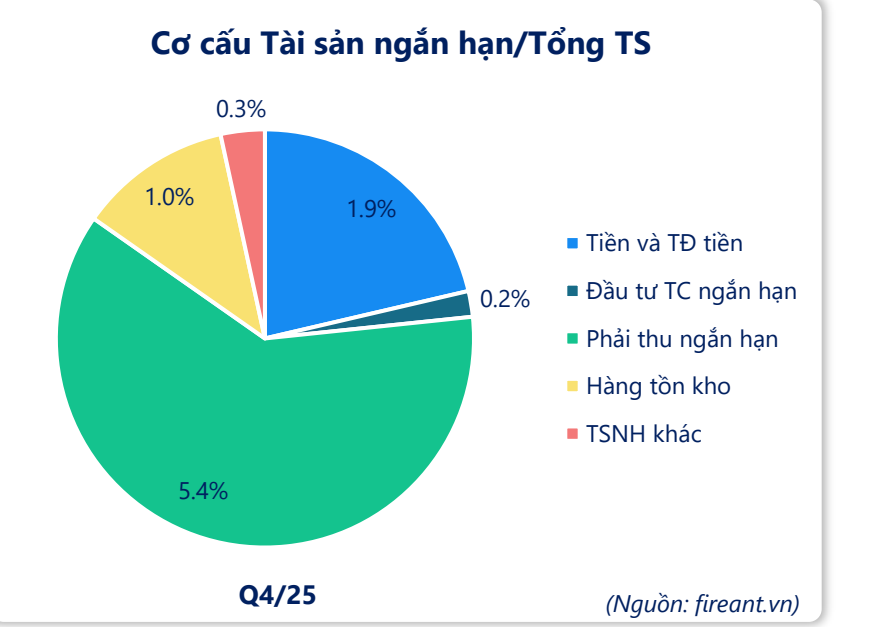
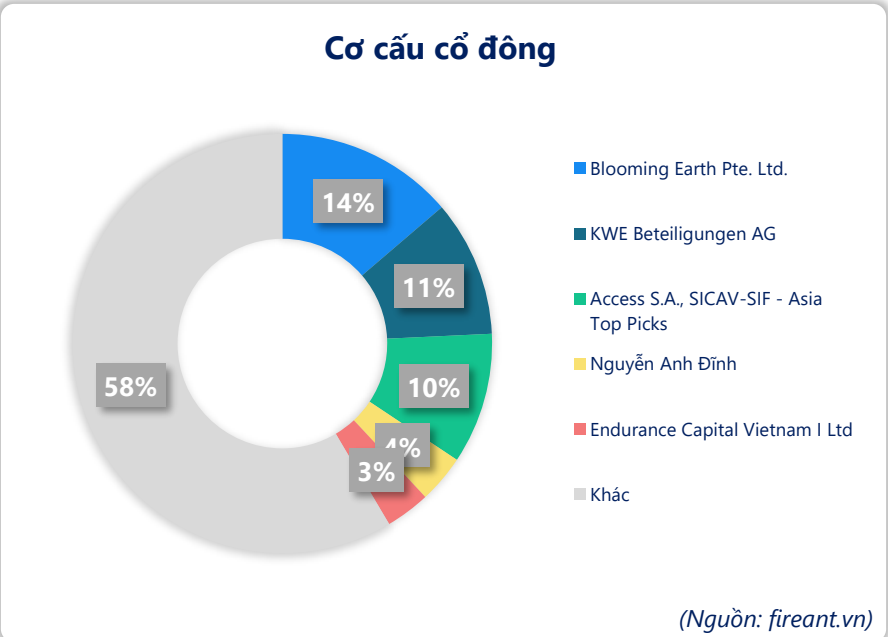
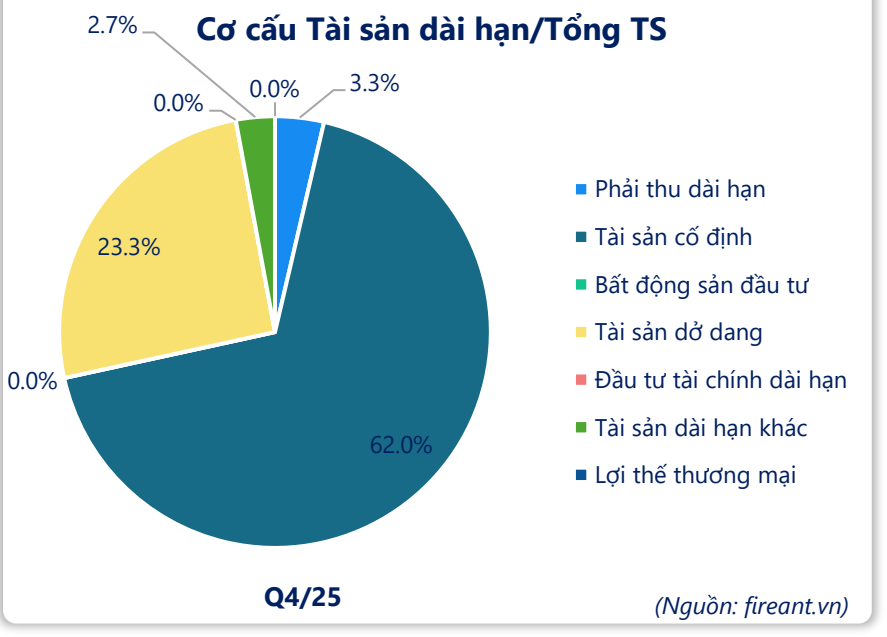
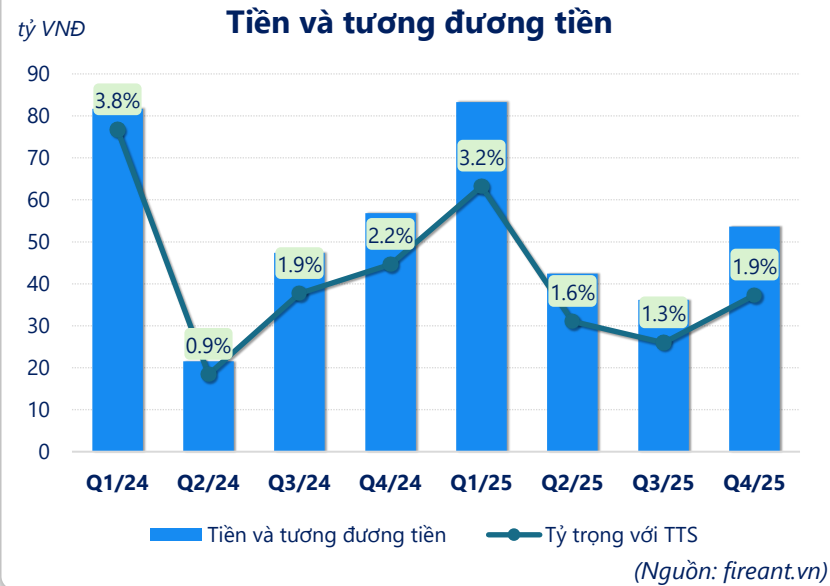
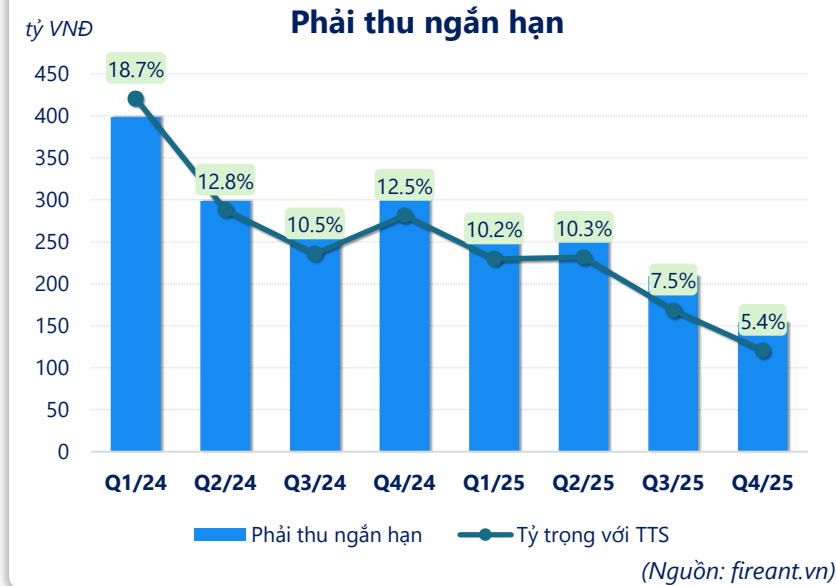
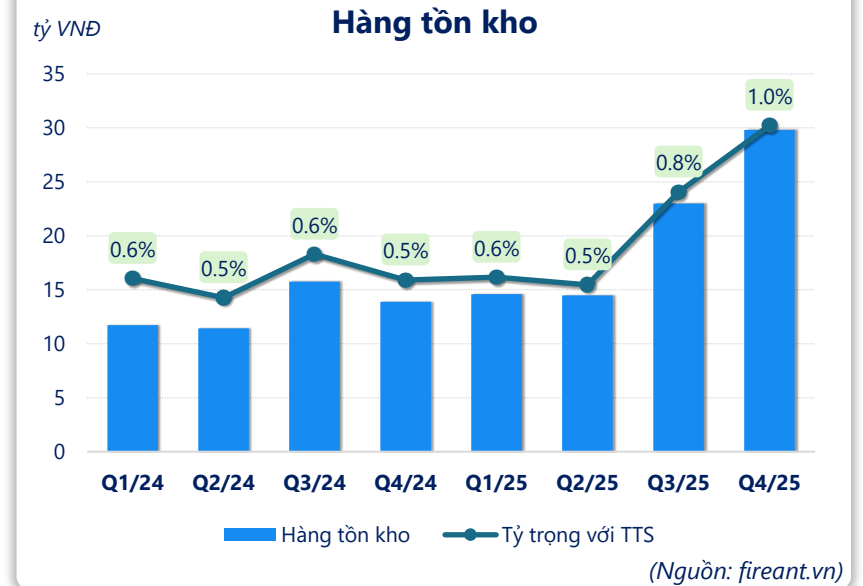
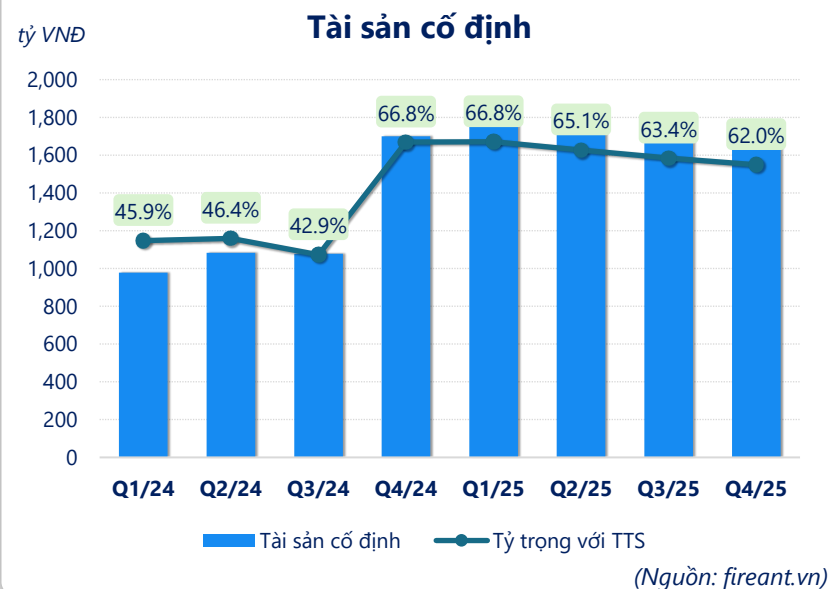
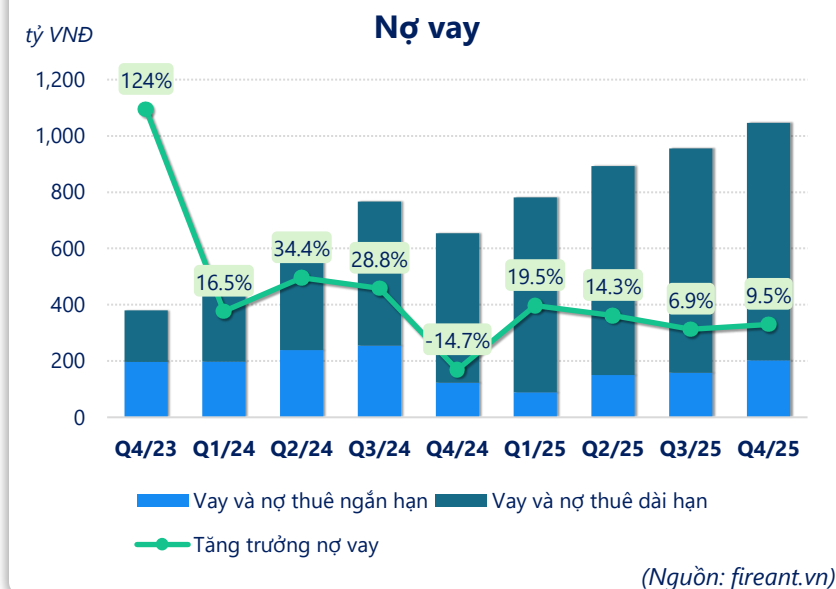
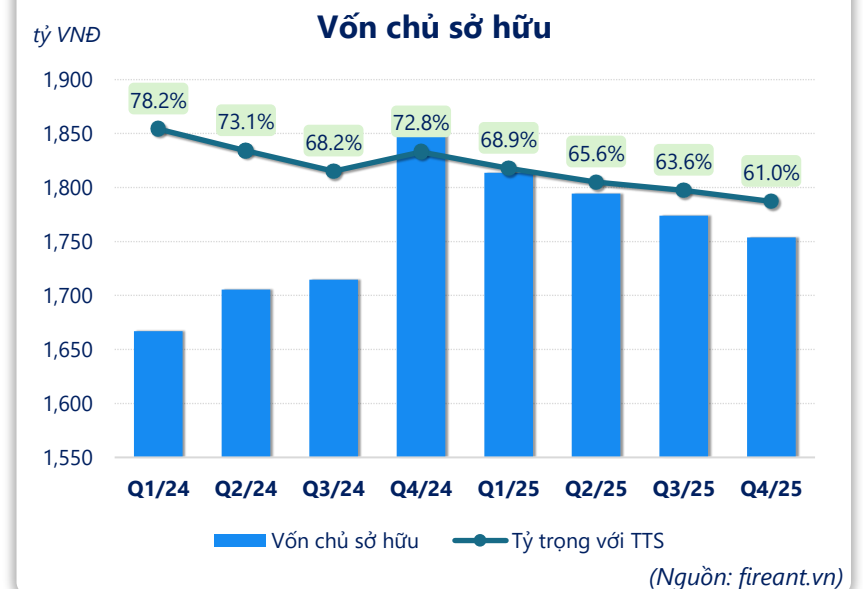
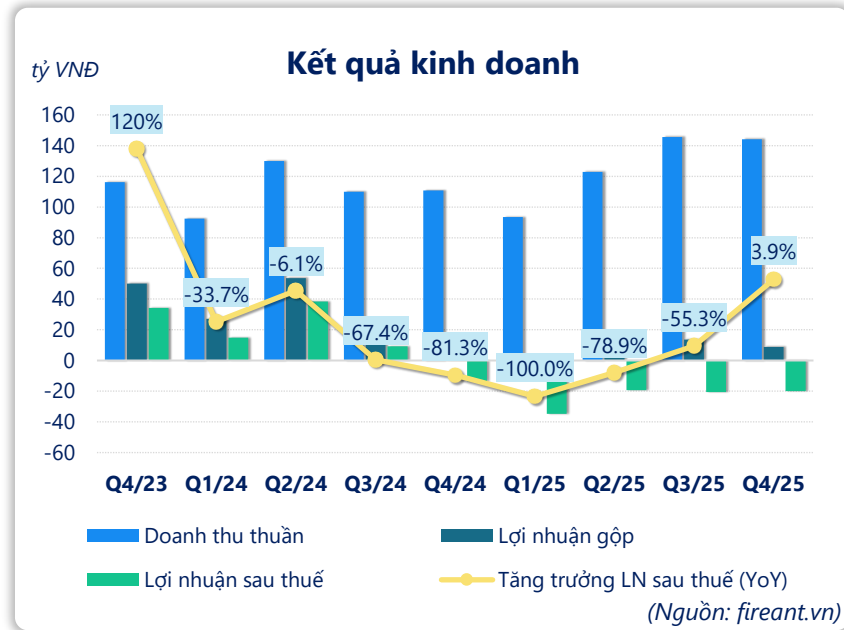
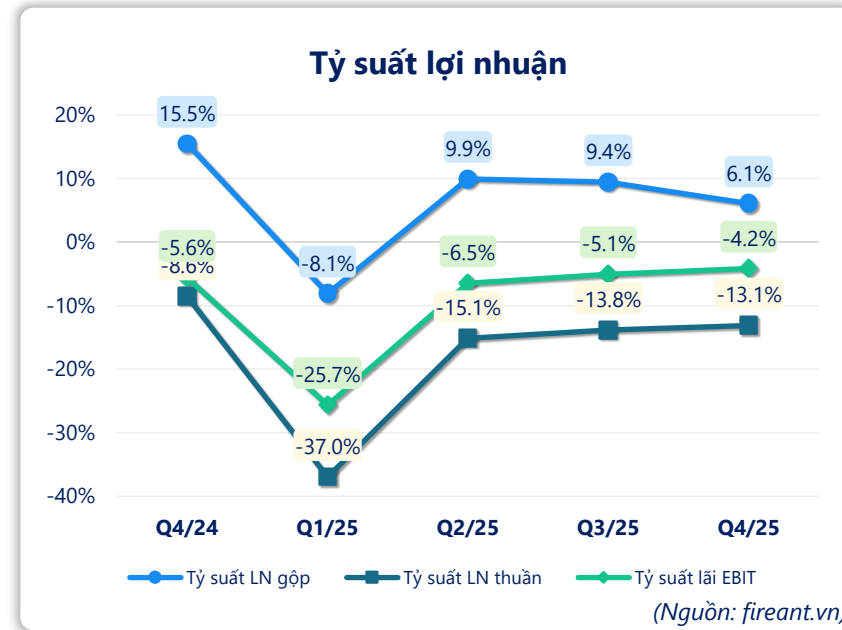
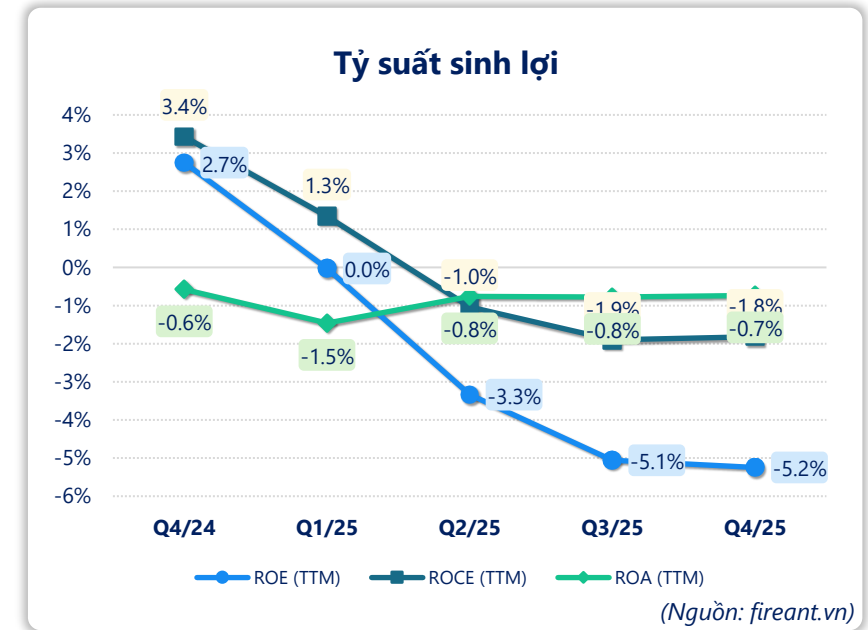
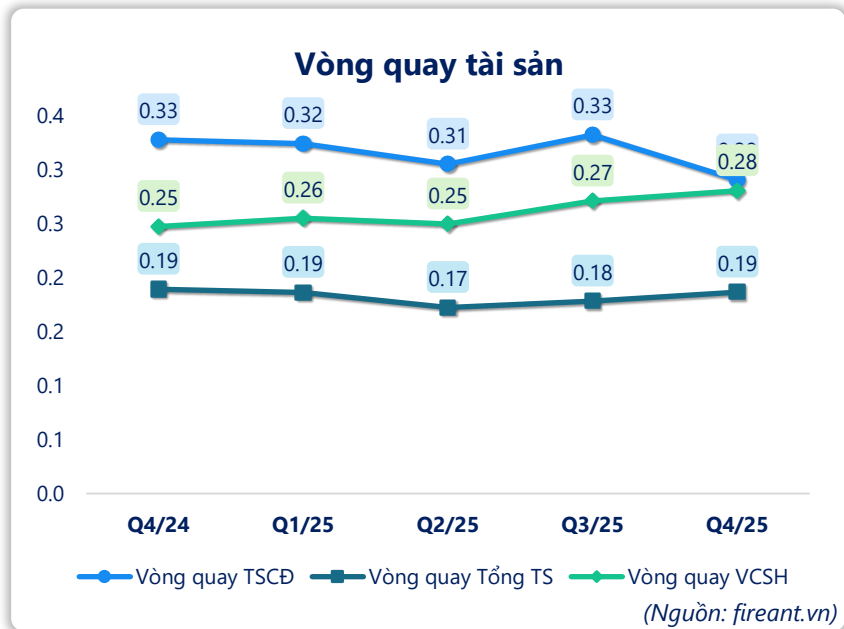
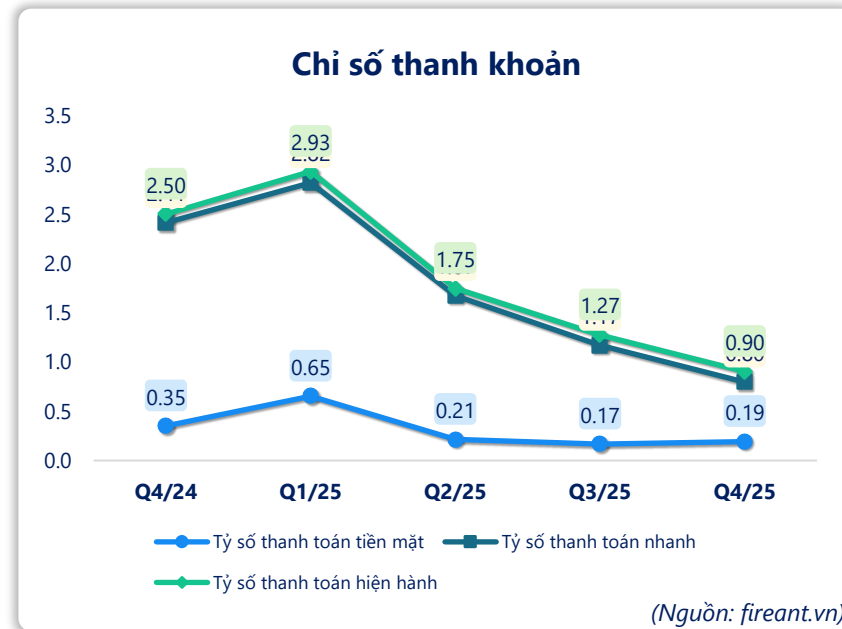
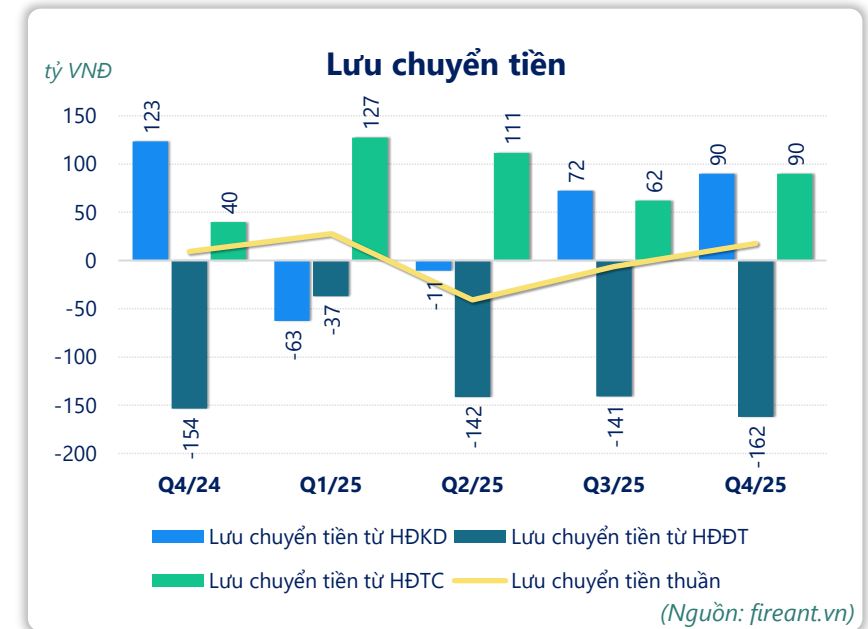


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,550
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,522
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,450
SL cổ phiếu LH		165,751,943
KLGD BQ 20 phiên (CP)		124,910
% sở hữu nước ngoài		55.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,914
P/E		-20.2
EPS		-571

	YTD	1T	3T	6T
TNH	-30.1%	-2.1%	-14.4%	-20.7%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,876	2,544	13.0%
Tài sản ngắn hạn	251	298	-15.7%
Tiền và tương đương tiền	53.7	55.6	-3.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.00	0	
Phải thu ngắn hạn	154	221	-30.1%
Hàng tồn kho	29.8	13.9	115%
Tài sản ngắn hạn khác	8.57	7.97	7.6%
Tài sản dài hạn	2,625	2,246	16.9%
Phải thu dài hạn	96.0	96.0	0.0%
Tài sản cố định	1,783	1,760	1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	669	288	132%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.02	20.0	-99.9%
Tài sản dài hạn khác	76.5	81.9	-6.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,122	695	61.5%
Nợ ngắn hạn	278	162	71.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	202	121	67.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	51.6	24.1	114%
Nợ dài hạn	844	533	58.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	844	533	58.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,754	1,849	-5.1%
Vốn chủ sở hữu	1,754	1,849	-5.1%
Vốn điều lệ	1,658	1,442	15.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	111	93.4	123	146	144
Giá vốn hàng bán	93.6	101	111	132	135
Lợi nhuận gộp	17.1	-7.58	12.2	13.7	8.72
Doanh thu HĐTC	0.03	0.15	0.54	0.02	8.22
Chi phí TC	6.77	10.8	10.7	12.6	13.4
Chi phí lãi vay	6.77	10.8	10.7	12.6	13.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.80	1.19	1.68	2.20	2.43
Chi phí QLDN	19.1	15.1	19.0	19.1	20.0
LN thuần từ HĐKD	-9.47	-34.5	-18.6	-20.1	-18.9
Lợi nhuận khác	-3.54	-0.27	-0.05	0.18	-0.54
LN trước thuế	-13.0	-34.8	-18.6	-19.9	-19.4
Lợi nhuận sau thuế	-13.6	-34.8	-19.3	-20.6	-20.0
LNST của CĐ cty mẹ	-13.6	-34.8	-19.3	-20.6	-19.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	123	-62.5	-10.7	72.4	89.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-154	-37.1	-142	-141	-162
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	39.7	127	111	62.1	89.9
Tiền đầu kỳ	47.3	55.6	83.3	42.4	36.1
Lưu chuyển tiền thuần	9.46	27.7	-40.9	-6.28	17.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	56.8	83.3	42.4	36.1	53.7

(Nguồn: fireant.vn)